

PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM VỚI VIỆC BẢO ĐẢM QUYỀN BÌNH ĐẲNG CỦA PHỤ NỮ

TS. DƯƠNG TUYẾT MIÊN *

Quyền con người của phụ nữ là vấn đề luôn được quan tâm đặc biệt của cộng đồng quốc tế và nhiều quốc gia trên thế giới trong đó có Việt Nam. Mặc dù quyền lợi và địa vị của người phụ nữ được cải thiện đáng kể từ sau chiến tranh thế giới thứ hai nhưng trên thực tế, ở nhiều nơi trên thế giới, sự phân biệt đối xử cũng như hành hạ ngược đãi, bóc lột tàn bạo người phụ nữ vẫn còn tồn tại. Phụ nữ tuy chiếm tỉ lệ cao hơn so với nam giới, thực hiện nhiều chức năng quan trọng trong đó có chức năng sinh sản duy trì nòi giống và nuôi dưỡng con cái và có thể tham gia tốt nhiều hoạt động xã hội khác nhưng họ vẫn còn chịu nhiều thiệt thòi. Theo thống kê của Liên hợp quốc, phụ nữ chiếm đa số trong những người nghèo khổ của thế giới và số phụ nữ nông thôn nghèo túng đã tăng thêm lên 50% kể từ sau năm 1975 trở lại đây. Phụ nữ ở châu Á, châu Phi phải làm việc nhiều hơn nam giới 13 giờ một tuần. Trên toàn thế giới, phụ nữ có thu nhập ít hơn từ 30% đến 40% so với nam giới trong những công việc như nhau. Số phụ nữ nắm giữ các cương vị quản lý hành chính nhà nước chỉ chiếm 10%, còn trong các cương vị quản lý sản xuất thì chưa đến 20%... Trước bối cảnh đó, việc chấm dứt sự phân biệt đối xử đối với phụ nữ, cải thiện địa vị và đảm bảo sự bình đẳng, tiến bộ của phụ nữ là việc làm vô cùng cần thiết.

Việt Nam là một trong những quốc gia đầu tiên trên thế giới kí, phê chuẩn và gia nhập Công ước về xoá bỏ mọi hình thức phân

biệt đối xử đối với phụ nữ (kí vào ngày 29/7/1980, phê chuẩn vào ngày 27/11/1981). Tuân thủ quy định của Công ước, trong những năm qua, Việt Nam đã tích cực nội luật hoá các quy định của Công ước trong các lĩnh vực khác nhau.

Trong lĩnh vực pháp luật hình sự, cả Bộ luật hình sự năm 1985 trước đây và Bộ luật hình sự hiện hành đều có những quy định bảo vệ phụ nữ khi họ là nạn nhân của tội phạm cũng như khi họ là người phạm tội.

Bộ luật hình sự có nhiều quy định trực tiếp hoặc gián tiếp bảo vệ quyền bình đẳng của người phụ nữ. Các hành vi nguy hiểm cho xã hội có tính chất phân biệt đối xử đối với phụ nữ đều bị coi là tội phạm và bị trừng trị nghiêm khắc. Hình phạt quy định cho những tội này vừa đảm bảo có tính răn đe người phạm tội, vừa có tính giáo dục họ trở thành người công dân có ích cho xã hội đồng thời còn đạt được mục đích phòng ngừa chung. Các hành vi có tính chất phân biệt đối xử đối với phụ nữ bị coi là tội phạm trước hết phải kể đến tội xâm phạm quyền bình đẳng của phụ nữ. Đây là quy định trực tiếp bảo vệ quyền bình đẳng của người phụ nữ. Điều 130 quy định: "*Người nào dùng vũ lực hoặc có hành vi nghiêm trọng khác cản trở phụ nữ tham gia hoạt động chính trị, kinh tế, khoa học, văn hoá, xã hội thì bị phạt cảnh cáo, cải*

* Giảng viên Khoa luật hình sự
Trường Đại học Luật Hà Nội

tao không giam giữ đến một năm hoặc phạt tù từ 3 tháng đến một năm". Quyền bình đẳng của phụ nữ là một quyền cơ bản đã được Hiến pháp nước ta ghi nhận. Tuy nhiên, trong xã hội, do ảnh hưởng của tàn dư tư tưởng phong kiến nên vẫn còn tồn tại những tư tưởng coi thường phụ nữ, kìm hãm không để phụ nữ phát triển ngang tầm nam giới. Với tư tưởng lạc hậu: "Con gái lấy chồng là con người ta" nên một số bậc cha mẹ không muốn con học cao vì sợ tốn kém mà không được gì hoặc một số nam giới lại có tư tưởng lạc hậu cho rằng người phụ nữ sau khi lấy chồng chỉ được phục vụ nhà chồng và con cái, không được tham gia các hoạt động xã hội khác. Vì vậy, thực tế đã xảy ra một số trường hợp như người chồng có hành vi đánh đập, hành hạ để cản trở không cho vợ đi học hoặc tham gia công tác xã hội, hoặc người bố có tư tưởng hẹp hòi đánh đập con gái không cho đi học bắt ở nhà để lấy chồng hoặc người chồng có hành vi lợi dụng người phụ nữ mê tín để dọa nạt không cho người phụ nữ tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, khoa học, văn hoá xã hội ở địa phương... Thực tế cho thấy chủ thể của tội này ngoài trường hợp có quan hệ ruột thịt với nạn nhân còn có thể là người khác như thù trưởng cơ quan, đồng nghiệp... Có thể nói, quy định về tội xâm phạm quyền bình đẳng của phụ nữ là cơ sở pháp lý quan trọng để nghiêm trị các hành vi cản trở người phụ nữ tham gia các hoạt động xã hội nói chung đồng thời, quy định này có vai trò vô cùng quan trọng trong việc răn đe, giáo dục đối với những người khác vẫn còn có tư tưởng cũng như có hành vi định kiến đối với phụ nữ.

Xuất phát từ đặc điểm riêng về giới, địa vị của người phụ nữ (cũng như trẻ em gái) thì

khả năng nữ giới bị xâm hại tình dục cao hơn rất nhiều so với nam giới. Trong những trường hợp này, phụ nữ (cũng như trẻ em gái) bị coi là công cụ để thoả mãn dục vọng thấp hèn của một số nam giới. Để thoả mãn dục vọng này, một số nam giới đã có hành vi chà đạp thô bạo lên danh dự, nhân phẩm của người phụ nữ, gây chấn động nặng nề về tinh thần đối với nữ giới. Quyền bất khả xâm phạm về tình dục của nữ giới là một quyền chính đáng được pháp luật Việt Nam ghi nhận và có cơ chế pháp lý bảo đảm trong đó có pháp luật hình sự. Người phụ nữ có quyền tự do quyết định vấn đề tình dục của mình trên cơ sở phù hợp với quy định của pháp luật và đạo đức xã hội, không ai có quyền cưỡng ép họ. Bảo vệ quyền bất khả xâm phạm về tình dục của nữ giới cũng chính là biểu hiện cụ thể của bảo vệ quyền bình đẳng của nữ giới. Pháp luật hình sự Việt Nam ngay từ khi mới ra đời đã quy định và trừng trị khá nghiêm khắc các tội xâm phạm tình dục của người phụ nữ nhưng đến BLHS năm 1999, quy định về các tội này mới tương đối được hoàn thiện và thực sự có hiệu quả trong việc bảo vệ quyền bất khả xâm phạm về tình dục của người phụ nữ. Các hành vi xâm phạm tình dục của người phụ nữ (cũng như trẻ em gái) bị coi là tội phạm bao gồm:

- + Tội hiếp dâm (Điều 111) và tội hiếp dâm trẻ em (Điều 112);
 - + Tội cưỡng dâm (Điều 113) và tội cưỡng dâm trẻ em (Điều 114);
 - + Tội giao cấu với trẻ em (Điều 115);
 - + Tội loạn luân (Điều 150);
 - + Tội dâm ô với trẻ em (Điều 116);
 - + Tội mua dâm người chưa thành niên (Điều 256).
- Cần lưu ý là trong số các tội nói trên có

một số tội nạn nhân cũng có thể là nam giới như tội giao cấu với trẻ em, tội dâm ô với trẻ em, tội loạn luân nhưng chủ yếu nạn nhân của nhóm tội này là nữ giới. Bên cạnh đó, BLHS còn bổ sung tình tiết tăng nặng “biết mình bị nhiễm HIV mà vẫn phạm tội” để cá thể hoá trách nhiệm hình sự triệt để hơn nữa đối với một số tội xâm phạm tình dục của nữ giới có thoả mãn tình tiết này. Tình tiết “biết mình bị nhiễm HIV mà vẫn phạm tội” được coi là tình tiết tăng nặng định khung đối với các tội: Hiếp dâm, hiếp dâm trẻ em, cưỡng dâm, cưỡng dâm trẻ em, giao cấu với trẻ em. Đây là những trường hợp người phạm tội khi xâm hại đến quyền bất khả xâm phạm về tình dục của nữ giới mà lại còn không có ý thức giữ gìn, bảo vệ sức khoẻ tình dục cho nữ giới. Ngoài ra, BLHS còn quy định một số tội mới mà nạn nhân chủ yếu là phụ nữ như tội lây truyền HIV cho người khác (Điều 117), tội cố ý truyền HIV cho người khác (Điều 118).⁽¹⁾ Các tội xâm phạm tình dục được Bộ luật hình sự quy định hình phạt nghiêm khắc, đặc biệt là đối với các tội hiếp dâm, hiếp dâm trẻ em, cưỡng dâm trẻ em. Hình phạt nghiêm khắc nhất là tử hình được quy định cho hai tội hiếp dâm, hiếp dâm trẻ em. Hình phạt tù chung thân được áp dụng cho 3 tội là hiếp dâm, hiếp dâm trẻ em, cưỡng dâm trẻ em. Tù có thời hạn được áp dụng cho tất cả các trường hợp trên, không có hình phạt nhẹ hơn phạt tù áp dụng cho các tội xâm phạm tình dục. Các tội hiếp dâm, hiếp dâm trẻ em, cưỡng dâm, cưỡng dâm trẻ em, dâm ô đối với trẻ em, người phạm tội còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 1 năm đến 5 năm. Việc quy định đường lối xử lý nói trên trong BLHS đối với các tội xâm

phạm tình dục của người phụ nữ đã thể hiện chính sách hình sự của Nhà nước ta, đó là nghiêm trị những hành vi xâm hại tình dục của nữ giới cũng như xâm hại danh dự, nhân phẩm của họ. Quy định của BLHS về nhóm tội xâm phạm tình dục của người phụ nữ là cơ sở pháp lý quan trọng để bảo vệ quyền bình đẳng của nữ giới cũng như để nghiêm trị các hành vi phạm tội thuộc nhóm này.

Hành vi mua bán phụ nữ nhằm ép buộc phụ nữ hoạt động mại dâm hoặc lao động bất hợp pháp cũng như các hành vi chứa mại dâm, môi giới mại dâm để trục lợi trên thân xác người phụ nữ là biểu hiện cụ thể của hành vi phân biệt đối xử đối với phụ nữ,⁽²⁾ coi phụ nữ như một “món hàng sống” để kiếm tiền hoặc thoả mãn thú tiêu khiển của một số nam giới. Có thể nói, đây là hiện tượng tiêu cực diễn ra nghiêm trọng không chỉ ở Việt Nam mà còn ở nhiều nước trên thế giới.

Ở Việt Nam, “*tình trạng phụ nữ và trẻ em bị lừa bán ra nước ngoài diễn biến phức tạp*”.⁽³⁾ “*mặc dù luật pháp và các chính sách của Đảng và Nhà nước Việt Nam nghiêm cấm sự chà đạp lên nhân phẩm và phân biệt đối xử đối với phụ nữ, đặc biệt cấm mại dâm, trong thực tế, tệ nạn mua bán phụ nữ và mại dâm xuyên biên giới và trong nội địa ở Việt Nam vẫn ở mức đáng lo ngại*”.⁽⁴⁾ Trên thực tế, Đảng và Nhà nước ta luôn coi trọng việc bảo đảm quyền bình đẳng của phụ nữ cũng như bảo vệ danh dự, nhân phẩm của người phụ nữ. Vì vậy, trên cơ sở chính sách hình sự của Đảng và Nhà nước và nội dung của CEDAW, tội mua bán phụ nữ đã được pháp luật hình sự nước ta quy định tại Điều 119. So với quy định của BLHS năm 1985 thì quy định của BLHS năm 1999 về tội mua bán phụ nữ

tương đối hoàn thiện hơn. Cụ thể là nhà làm luật đã bổ sung một số tình tiết tăng nặng mới nhằm cá thể hoá trách nhiệm hình sự hơn nữa, đảm bảo xử lí nghiêm đối với những trường hợp phạm tội có tình tiết này. Đó là các tình tiết tăng nặng: Mua bán phụ nữ vì mục đích mại dâm, có tính chất chuyên nghiệp, mua bán nhiều người, mua bán nhiều lần. Ngay tại khoản 1 - Cấu thành tội phạm cơ bản của tội này, nhà làm luật đã quy định rõ: *"Người nào mua bán phụ nữ thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm"*. Trường hợp phạm tội thoả mãn các tình tiết tăng nặng định khung ở khoản 2 như: Mua bán phụ nữ vì mục đích mại dâm, có tổ chức, có tính chất chuyên nghiệp, để đưa ra nước ngoài, mua bán nhiều người, mua bán nhiều lần thì bị phạt tù từ 5 năm đến 20 năm. Ngoài ra, người phạm tội mua bán phụ nữ còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền, quản chế hoặc cấm cư trú. Quy định của BLHS về tội mua bán phụ nữ là công cụ pháp lí quan trọng trong việc trừng trị những đối tượng có hành vi mua bán phụ nữ đồng thời góp phần vào việc bảo vệ danh dự, nhân phẩm của người phụ nữ.

Tuy nhiên, thực tế cho thấy số vụ án về tội mua bán phụ nữ bị đưa ra xét xử chưa phản ánh đúng thực trạng của tội phạm này hay nói cách khác tội phạm ẩn còn chiếm tỉ lệ lớn. Tình hình tội mua bán phụ nữ ở nước ta trong những năm qua còn phức tạp do nhiều nguyên nhân khác nhau trong đó có nguyên nhân pháp luật hình sự chưa thực sự hoàn thiện. Lợi nhuận mà người phạm tội thu được từ việc phạm tội mua bán phụ nữ là rất lớn chỉ sau buôn bán ma tuý và vũ khí, đồng thời hậu quả mà người phạm tội gây ra cho nạn nhân không chỉ đơn thuần là sự hành hạ về

thể xác mà còn là những đau đớn về tinh thần dai dẳng, kéo dài. Tuy nhiên, hình phạt mà nhà làm luật quy định cho tội này chưa thực sự nghiêm khắc: Khung cơ bản chỉ là từ 2 năm đến 7 năm còn khung tăng nặng là từ 5 năm đến 20 năm. Mặt khác, trong rất nhiều trường hợp, người phạm tội còn đang tâm bán cả họ hàng ruột thịt của mình như cháu họ, em họ, thậm chí cả em ruột, chị ruột hoặc con đẻ của mình. Có nhiều phụ nữ cũng như trẻ em gái vì tin vào lời hứa hẹn của người thân nên đã trở thành nạn nhân của tội mua bán phụ nữ (hoặc tội mua bán trẻ em). Những trường hợp này, người phạm tội phải bị xử lí nghiêm hơn trường hợp mua bán phụ nữ thông thường khác thì sự răn đe mới thực sự hữu hiệu. Chúng tôi cho rằng để ngăn chặn có hiệu quả sự gia tăng của tội này thì một biện pháp quan trọng là phải sửa đổi luật hình sự để đáp ứng được thực tiễn xét xử. Đối với khung cơ bản, nhà làm luật nên sửa đổi hình phạt theo hướng nặng hơn là bị phạt tù từ 5 năm đến 12 năm. Khoản 2 cũng sửa đổi hình phạt theo hướng nặng hơn là từ 10 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân. Đồng thời, nhà làm luật nên bổ sung một tình tiết tăng nặng định khung mới vào khoản 2. Đó là tình tiết: Mua bán người là họ hàng ruột thịt của mình.

Hành vi chứa mại dâm, môi giới mại dâm nhằm thu lợi trên thân xác của người phụ nữ là một biểu hiện cụ thể của hành vi phân biệt đối xử đối với phụ nữ, bởi vì trong những trường hợp này, người phụ nữ không được đối xử như một con người mà chỉ là một thứ đồ chơi để cho người phạm tội khai thác kiếm tiền và để phục vụ cho thú hưởng lạc không lành mạnh của một số nam giới. Bộ luật hình sự đã coi các hành vi chứa mại dâm, môi giới

mại dâm là tội phạm (Điều 254, Điều 255) và quy định hình phạt nghiêm khắc cho các tội này. Hình phạt nghiêm khắc nhất quy định cho tội chứa mại dâm là tù chung thân. Còn các trường hợp khác, hình phạt được quy định cho người phạm tội là tù có thời hạn, không có hình phạt nhẹ hơn tù có thời hạn áp dụng cho tội này. Ngoài ra, người phạm tội còn có thể bị áp dụng phạt tiền, tịch thu tài sản, quản chế với tính chất là hình phạt bổ sung. Đối với tội môi giới mại dâm, hình phạt nặng nhất có thể áp dụng cho người phạm tội là hai mươi năm tù, còn hình phạt nhẹ nhất có thể áp dụng cho người phạm tội là 6 tháng tù. Ngoài ra, người phạm tội còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền từ 1 triệu đồng đến 10 triệu đồng.

Do ảnh hưởng của tàn dư tư tưởng phong kiến trọng nam khinh nữ và gia trưởng nên tình trạng bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em nói chung cũng như bạo lực gia đình vẫn còn tồn tại ở nước ta. Thực tế cho thấy nạn nhân của tình trạng bạo lực này chủ yếu là phụ nữ và trẻ em. Ví dụ như người chồng thường xuyên có hành vi đánh đập, chửi mắng vợ hoặc người cha thường xuyên có hành vi đánh đập con cái. BLHS đã quy định một số tội phạm để trừng trị người phạm tội. Trường hợp người phạm tội có hành vi ngược đãi hoặc hành hạ nạn nhân gây hậu quả nghiêm trọng hoặc hành vi nói trên tuy chưa gây hậu quả nghiêm trọng nhưng đã bị xử phạt hành chính về hành vi này mà còn vi phạm thì người phạm tội sẽ bị xử lý về tội ngược đãi hoặc hành hạ ông bà, cha mẹ, vợ chồng, con cháu, người có công nuôi dưỡng mình - Điều 151 (trong thực tế, nạn nhân của tội này không chỉ có phụ nữ và trẻ em mà còn có thể

là người khác). Hình phạt quy định cho tội này là cảnh cáo, cải tạo không giam giữ đến 3 năm hoặc phạt tù từ 3 tháng đến 3 năm. Trường hợp hành vi hành hạ, ngược đãi đến mức gây thương tích đáng kể cho nạn nhân thì người phạm tội sẽ bị xử lý về tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác (nạn nhân của tội này trên thực tế có thể là nam giới). Hình phạt nhẹ nhất quy định cho tội này là cải tạo không giam giữ và hình phạt nặng nhất là tù chung thân còn tù có thời hạn được quy định cho cả 4 khung hình phạt. Trường hợp người phạm tội có hành vi cố ý sử dụng bạo lực dẫn tới nạn nhân chết thì sẽ bị xử lý về tội giết người. Thực tế đã có không ít trường hợp người chồng vũ phu có hành vi đánh đập đã nạn vợ mình đến chết. Trường hợp tội giết người, hình phạt nghiêm khắc nhất áp dụng đối với người phạm tội là tù hình, hình phạt nhẹ nhất là tù có thời hạn. Ngoài ra, người phạm tội còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định, bị quản chế hoặc cấm cư trú.

Bên cạnh đó, để bảo vệ phụ nữ với tư cách là nạn nhân của tội phạm, BLHS hiện hành còn coi tình tiết "phạm tội đối với phụ nữ có thai" là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự (Điều 48 khoản 1 điểm h) và tình tiết này còn là tình tiết tăng nặng định khung đối với một số tội như: Tội giết người (Điều 93 khoản 1 điểm b) - đó là "giết phụ nữ mà biết là có thai"; tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy (điểm d khoản 2 Điều 197) - đó là tình tiết "Đối với phụ nữ mà biết là đang có thai", Tội cưỡng bức, lôi kéo người khác sử dụng trái phép chất ma túy (điểm d khoản 2 Điều 200) - đó là "Đối với phụ nữ mà biết là đang có thai"...

Pháp luật hình sự Việt Nam đã có một số quy định nhằm bảo vệ người phụ nữ khi họ có thai hoặc có con nhỏ cho dù họ là người phạm tội.

Khi người phụ nữ là chủ thể của tội phạm, trên cơ sở nguyên tắc nhân đạo của luật hình sự Việt Nam, BLHS hiện hành đã quy định: “*Không áp dụng tử hình đối với phụ nữ có thai hoặc phụ nữ đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi khi phạm tội hoặc khi bị xét xử. Không thi hành án tử hình đối với phụ nữ có thai hoặc phụ nữ đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi. Trường hợp này hình phạt tử hình chuyển thành tù chung thân*” (Điều 35 BLHS). Đồng thời, BLHS có quy định kéo dài thời gian hoãn, tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù đối với người phạm tội là phụ nữ có thai, phụ nữ đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi cho đến khi con đủ 36 tháng tuổi (Điều 61, 62 BLHS).

Nguyên tắc bảo vệ phụ nữ và trẻ em của luật hình sự Việt Nam được thể hiện rõ nét qua tình tiết “Người phạm tội là phụ nữ có thai” được quy định là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm 1 khoản 1 Điều 46.

Quy định về tội giết con mới đẻ của BLHS (Điều 95 BLHS) cũng thể hiện rõ chính sách khoan hồng của Nhà nước đối với phụ nữ phạm tội. Trường hợp người phụ nữ ở trạng thái mới sinh con (trong vòng 7 ngày trở lại) nếu giết con hoặc vứt bỏ con mới đẻ do ảnh hưởng nặng nề của tư tưởng lạc hậu hoặc trong hoàn cảnh khách quan đặc biệt thì mức độ trách nhiệm hình sự được giảm nhẹ hơn so với trường hợp giết người thông thường. Trường hợp này người phạm tội chỉ bị phạt cải tạo không giam giữ đến hai năm hoặc bị phạt tù từ 3 tháng đến 2 năm. Sơ dĩ BLHS quy

định giảm nhẹ hình phạt như vậy vì ở trong trạng thái mới sinh con, người phụ nữ có tâm sinh lý chưa ổn định, khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi bị hạn chế.

Tóm lại, hệ thống pháp luật Việt Nam trong đó có pháp luật hình sự đã tạo ra cơ sở pháp lý tương đối đầy đủ, toàn diện để đảm bảo thực thi quyền bình đẳng nam nữ. Mặc dù trên thực tế vẫn còn tồn tại một số hành vi vi phạm quyền bình đẳng nam nữ, hạn chế cơ hội phát triển của nữ giới nhưng chúng ta tin rằng những hành vi này sẽ bị hạn chế và tiến tới bị loại bỏ khỏi đời sống xã hội bởi chúng ta có hệ thống pháp luật tương đối hoàn thiện. Vấn đề quan trọng là ở chỗ pháp luật trong đó có pháp luật hình sự phải được áp dụng nghiêm minh trên thực tế./.

(1). Nhìn chung, nam giới không nhận thức được đầy đủ trách nhiệm của mình trong việc bảo vệ sức khỏe tình dục của người phụ nữ. Phụ nữ có nhiều khả năng lây bệnh từ những người chồng có nguy cơ cao như có hành vi quan hệ tình dục không an toàn với bạn tình hoặc gái mại dâm, tiêm chích ma túy. Một cuộc điều tra xã hội học cho thấy chỉ có 37% nam giới biết mình bị HIV khi quan hệ tình dục với vợ có dùng bao cao su, còn lại 67% vẫn không dùng bao cao su. Xem: *Phân tích tình hình và đề xuất chính sách nhằm tăng cường sự tiến bộ của phụ nữ và bình đẳng giới ở Việt Nam, 9/2000, tr. 50.*

(2). Điều 6 CEDAW quy định: “*Các nước tham gia Công ước phải áp dụng mọi biện pháp thích hợp kể cả pháp luật để loại bỏ mọi hình thức buôn bán phụ nữ và bóc lột phụ nữ làm nghề mại dâm.*”

(3). Xem: Chi thị của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường hoạt động vì sự tiến bộ của phụ nữ ở các bộ, các cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương ngày 15/7/2004.

(4). Xem: Báo cáo quốc gia lần thứ hai về tình hình thực hiện Công ước của Liên hợp quốc về xoá bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử đối với phụ nữ, Nxb. Phụ nữ, Hà Nội 1999, tr. 41.